

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:07/2018/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 12 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018

Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 114/2008/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ mười về việc quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do địa phương quản lý; Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XV, kỳ họp thứ năm về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 114/2008/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ mười về việc quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản xác lập quyền sở hữu của nhà nước do địa phương quản lý./.

CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Thăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Bình**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản công, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại); thẩm quyền quản lý, xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công chưa quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

Đối với cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện: Việc mua sắm, thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) áp dụng đối với tài sản hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

1. Mọi tài sản công đều phải được giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định.

2. Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị.

3. Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

4. Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.

5. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản đối với:

- Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Tài sản là xe ô tô;

- Tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này).

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có giá trị từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm e khoản này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm e khoản này);

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm e khoản này);

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và trường hợp quy định tại điểm e khoản này);

e) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;

g) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp):

a) Trường hợp thuê tài sản phải chi trả bằng nguồn kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên (ngoài kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngân sách cấp nào thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đó quyết định;

b) Trường hợp thuê tài sản được chi trả bằng nguồn kinh phí trong định mức chi thường xuyên (kinh phí khoán chi) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công đối với:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công đối với:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tài sản từ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý; (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền thanh lý tài sản công theo hình thức bán được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công đối với:

- Tài sản là xe ô tô;

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với tài sản công được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công đối với:

- Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Tài sản là xe ô tô;

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý đối với:

- Tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

- Các công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm theo phân cấp (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của mình theo phân cấp (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản là nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất; xe ô tô).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đến dưới 100 triệu/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đến dưới 100 triệu/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy các loại tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của Dự án thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại).

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án:
 - a) Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này;
 - b) Thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản phục vụ hoạt động của Dự án thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này;
 - c) Thẩm quyền phê duyệt phương án thanh lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này;
 - d) Thẩm quyền phê duyệt phương án tiêu hủy tài sản phục vụ hoạt động của Dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này;
 - đ) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.
2. Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện Dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong Dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:
 - a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;
 - b) Tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 khoản 3 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Sau đây gọi tắt là Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ);
 - c) Tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng (trừ tài sản quy định tại điểm a, b, c Khoản 9 Điều 5 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ);
 - d) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;
 - đ) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

e) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với: Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này);

b) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ di tích lịch sử - văn hóa); di sản không người thừa kế (trừ bất động sản).

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu; thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu là người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này);

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và người có thẩm quyền thuộc cấp xã ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và b khoản 2, Điều 19, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ:

a) Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

b) Đối với vật chứng vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với:

+ Tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

+ Tài sản do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp tỉnh ra quyết định tịch thu.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế:

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thì có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 19 Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ).

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ bị giải thể; tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án:

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thì có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo phân cấp tại Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Thăng